

QUYẾT ĐỊNH
Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ Phòng,
chống thiên tai tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống Thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về nội dung chi, mức chi hỗ trợ các hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong nước và nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Thực hiện hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Điện Biên mà ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng chưa được hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước. Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, đối tượng đó chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

Nội dung và mức chi theo Phụ lục chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm báo cáo thiệt hại (chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức độ thiệt hại) và đề xuất nhu cầu hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai về Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (qua Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất các đối tượng cần được hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2022 và thay thế Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chánh Văn phòng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Giám đốc Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban chỉ đạo TW về PCTT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Như Điều 6;
- Các Sở, ngành BCHPCTT&TKCN tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT, KTN_(TVH)

(b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô



Phụ lục

Nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên

(Kèm theo Quyết định số **41** /2022/QĐ-UBND ngày **02** tháng **11** năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
I	Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai			
1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	Hộ/ngày	Tối đa không quá 300.000 đồng/hộ/ngày	Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương, tối đa không quá 05 ngày/đợt
2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	Người/ngày	Tối đa không quá 50.000 đồng/người/ngày	Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương tối đa không quá 10 ngày/đợt
3	Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai cấp xã			
3.1	Đối với người không hưởng lương từ Ngân sách nhà nước			
-	Thời gian huy động từ 06 giờ sáng đến 22 giờ đêm	Đồng/người/ngày	119.200 đồng	Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ
-	Thời gian huy động từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau	Đồng/người/ngày	238.400 đồng	Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ
3.2	Đối với người hưởng lương từ Ngân sách nhà nước kể cả cán bộ,	Đồng/người/ngày	Theo quy định hiện hành.	Căn cứ tình hình thực tế thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trả nguyên lương,

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
	chiến sĩ dân quân tự vệ, công an xã.			các khoản phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe theo quy định.
4	Hỗ trợ cho lực lượng trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.	Đồng/người/ngày	Theo quy định hiện hành.	Căn cứ tình hình thực tế thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trả nguyên lương và khoản kinh phí làm thêm giờ theo quy định.
II	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực cho đối tượng thiếu đói do thiên tai	Người/tháng	15 kg gạo	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên: “Hỗ trợ không quá 3 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai”
2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cần thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai	Người/đợt	Tối đa không quá 300.000 đồng/người/đợt	Mức chi thực hiện theo đơn giá hiện hành
3	Hỗ trợ về Người			
3.1	Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai	Người	18.000.000 đồng	Mức chi thực hiện theo Quy định tại điểm a khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
				09/2022/NQHĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên
3.2	Hộ gia đình có người bị thương nặng do thiên tai	Người	3.600.000 đồng	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên
3.3	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết do thiên tai khi không có người nhận trách nhiệm mai táng	Người	18.000.000 đồng	Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên
4	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (chỉ tính nhà ở chính)			
4.1	Hỗ trợ Nhà ở bị đổ, sập, trôi, hư hỏng hoàn toàn do thiên tai (thiệt hại trên 70%)	1 nhà/hộ	50.000.000 đồng	+ Mức thiệt hại Quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 + Mức chi thực hiện theo điểm a, khoản 4, Điều 6 Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
4.2	Hỗ trợ sửa chữa nhà ở bị hư hỏng do thiên tai (thiệt hại từ 50% đến 70%)	1 nhà/hộ	30.000.000 đồng	+ Mức thiệt hại quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 + Mức chi thực hiện theo điểm c, khoản 4, Điều 6 Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên
4.3	Hỗ trợ sửa chữa nhà ở bị hư hỏng do thiên tai (thiệt hại từ 30% đến 50%)	1 nhà/hộ	5.000.000 đồng	+ Mức thiệt hại quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015
4.4	Hỗ trợ sửa chữa nhà ở bị hư hỏng do thiên tai (thiệt hại dưới 30%)	1 nhà/hộ	Tối đa không quá 1.000.000 đồng	+ Mức thiệt hại quy định tại khoản 4, Điều 3 Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015
5	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã	Tối đa không quá 10.000.000 đồng	Mức chi căn cứ theo nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương
6	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai			Thực hiện theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
				bệnh và các quy định hiện hành khác của nhà nước
7	<p>Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai: Cơ sở y tế, Trường học; Tu sửa Nhà làm việc hoặc sơ tán phòng tránh thiên tai; Tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở;</p> <p>Hỗ trợ tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai (<i>Đường sơ tán, Kè chống sạt lở, Cống, Hồ đập thủy lợi, thủy điện, Chống sét, chống úng, chống hạn, chống sụt lún đất, chống lũ quét, Kênh tiêu hoặc tưới, tiêu kết hợp thoát lũ, Trạm quan trắc khí</i></p>	Công trình	≤ 3.000.000.000 đồng/ tổng mức đầu tư 01 công trình	Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ. Mức hỗ trợ cụ thể từng công trình do chủ tịch UBND các cấp Quyết định trên cơ sở danh mục được Ban CH PCTT-TKCN cùng cấp đề xuất

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
	<i>tượng thủy văn và công trình khác phục vụ phòng, chống thiên tai).</i>			
III	Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai			
1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (<i>Tuyên truyền trên các kênh phương tiện thông tin đại chúng</i>)	đồng/năm	Tối đa không quá 86.000.000 đồng	Mức chi căn cứ trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch hàng năm của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh
2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm			
2.1	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp tỉnh	đồng/kế hoạch, phương án	10.000.000 đồng	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ
2.2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp huyện	đồng/kế hoạch, phương án	5.000.000 đồng	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ
2.3	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng	đồng/kế hoạch, phương án	2.500.000 đồng	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
	phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp xã			
3	Tổ chức tập huấn, Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai ở các cấp, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	Lớp	Tối đa không quá 61.000.000 đồng/lớp	Mức chi, các nội dung chi tiết thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính và một số nội dung khác theo giá thị trường, dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
4	Diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở các cấp			
4.1	Hỗ trợ Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN cấp tỉnh để diễn tập phòng, chống thiên tai ở cấp tỉnh	Đợt/năm	Tối đa không quá 100.000.000 đồng/đợt/năm	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ
4.2	Hỗ trợ Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN cấp huyện để diễn tập phòng, chống thiên tai ở cấp huyện	Đợt/năm	Tối đa không quá 50.000.000 đồng/huyện/đợt/năm	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
4.3	Hỗ trợ Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN cấp xã để diễn tập phòng, chống thiên tai ở cấp xã	Đợt/năm	Tối đa không quá 15.000.000 đồng/xã/đợt/năm	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ
5	Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	Đồng/người	Theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ
6	Duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	Người/năm	Theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ
7	Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng, lắp đặt trạm đo mưa, mực nước, thuê bao dịch vụ trạm đo mưa, mực nước	Đồng	Theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
8	Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	Đồng	Theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, điều 16 Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ
9	Hỗ trợ di dời nhà ở khẩn cấp (chỉ tính nhà ở chính)	01 nhà/hộ	30.000.000 đồng	Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4, Điều 6 Nghị quyết số 09/2022/NQHĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên